TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG XUÂN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST Ngày: 22/05/2023 V/v tranh chấp: Ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Anh

2. Ông Nguyễn Văn Tiến

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà:* Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mang Thị L – Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B – Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Mang Thị L tại phiên tòa như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân vào năm 2003, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên vào ngày 12/8/2008. Quá trình sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến khi hai vợ chồng ra sống riêng, tự lập thì cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh B không lo làm ăn mà hay uống rượu đánh đập vợ con. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với anh B để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị L và anh B có hai con chung là Mang Thị M – Sinh ngày 09/10/2003 và Mang N – sinh ngày 27/7/2005. Chị L có nguyên vọng nuôi dưỡng con chung Mang N, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung Mang Thị M đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, xây dựng hồ sơ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Văn B để lấy lời khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B không có mặt. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ để anh B tham gia phiên tòa nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

* Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mang Thị L.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung là Mang N – sinh ngày 27/7/2005 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Mức cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xét giải quyết. Còn con chung là Mang Thị M – Sinh ngày 09/10/2003 đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên

không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Loan được miễn tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Mang Thị L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn B, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Anh B đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện D, tỉnh Phú Yên. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với anh B theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mang Thị L và anh Nguyễn Văn B sống chung với nhau như vợ chồng, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên vào ngày 12/8/2008 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án đã xác minh tại địa phương nơi anh B sinh sống, ông Vũ Mạnh Cường – Trưởng Công an xã X cung cấp: Anh Nguyễn Văn B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên. Hiện nay anh B không có mặt tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống hôn nhân giữa chị L và anh B có nhiều mâu thuẫn, đời sống hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên HĐXX thống nhất cho chị L được ly hôn với anh B.

[3]. Về con chung: Chị L và anh B có hai con chung là Mang Thị M – Sinh

ngày 09/10/2003 và Mang N – sinh ngày 27/7/2005. Sau ly hôn, chị L có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung Mang N, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung Mang Thị M đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy chị L có đủ điều kiện để chăm sóc con. Hiện nay anh B không có mặt tại địa phương, không đảm bảo điều kiện chăm sóc con nên giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị L được miễn tiền án phí HNGĐ-ST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Mang Thị L.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mang Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

[2] Về con chung: Giao con chung là Mang N – sinh ngày 27/7/2005 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, anh B có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về án phí HNGĐ-ST: Chị Mang Thị L được miễn tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Mang Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐX;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện ĐX;
- TAND tỉnh PY;
- UBND xã X;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Long

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Trần Ngọc Anh **Nguyễn Văn Tiến**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Long